

HIỆP ĐỊNH
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
GIỮA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CĂM-PU-CHIA

62

5

HIỆP ĐỊNH
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
GIỮA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CĂM-PU-CHIA

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Căm-pu-chia (sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên”);

Có tính đến các luật và quy định hiện hành về thi hành pháp luật của các Bên và mong muốn tăng cường các nỗ lực hợp tác trong lĩnh vực thi hành pháp luật và hoạt động tư pháp;

Mong muốn hợp tác trong chuyển giao người bị kết án phạt tù nhằm tạo thuận lợi cho họ tái hòa nhập thành công vào xã hội;

Mong muốn hợp tác trong việc thi hành các bản án hình sự;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hiệp định này:

1. “Bản án” là quyết định của Tòa án tuyên hình phạt;
2. “Bên chuyển giao” là Bên mà từ đó người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao;
3. “Bên nhận” là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến;
4. “Người bị kết án phạt tù” là người đang thi hành hình phạt tù trong trại giam, bệnh viện hoặc bất cứ nơi nào khác trên lãnh thổ của Bên chuyển giao theo bản án do Tòa án của Bên chuyển giao tuyên;
5. “Hình phạt” là hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân do Tòa án áp dụng;
6. “Công dân” là người có quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch Căm-pu-chia.

ĐIỀU 2

MỤC ĐÍCH CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác rộng rãi nhất trong việc chuyển giao người bị kết án phạt tù theo các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

2. Người bị kết án phạt tù có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của Bên chuyển giao đến lãnh thổ của Bên nhận theo các quy định của Hiệp định này để thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên đối với người đó.

ĐIỀU 3

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Bên phải chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an. Cơ quan trung ương của Vương quốc Căm-pu-chia là Bộ Tư pháp. Mỗi Bên có thể thay đổi Cơ quan trung ương của mình nhưng phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi đó bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao ngay khi có thể.

3. Các Cơ quan trung ương của các Bên phải xử lý các yêu cầu chuyển giao theo các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

4. Các Cơ quan trung ương có thể liên hệ, phối hợp trực tiếp với nhau hoặc thông qua kênh ngoại giao khi thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 4

ĐIỀU KIỆN CHUYỂN GIAO

Theo Hiệp định này, người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao với các điều kiện sau đây:

1. Hành động hoặc không hành động bị áp dụng hình phạt cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận. Điều kiện này không được giải thích để yêu cầu tội phạm đó phải được quy định như nhau trong pháp luật của các Bên;

2. Người bị kết án phạt tù là công dân của Bên nhận;

3. Vào thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất một (01) năm của hình phạt tù. Trong trường hợp đặc biệt, điều kiện này có thể được miễn theo thoả thuận của các Bên;

4. Bản án đã có hiệu lực pháp luật và không còn bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với người đó đang chờ được tiến hành trên lãnh thổ của Bên chuyển giao;

5. Bên chuyển giao và Bên nhận và người bị kết án phạt tù đều đồng ý với việc chuyển giao. Trong trường hợp người bị kết án phạt tù không đủ năng lực để đồng ý theo pháp luật của Bên chuyển giao thì phải có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó.

ĐIỀU 5 CÁC CĂN CỨ TỪ CHỐI CHUYỂN GIAO

Theo Hiệp định này, các Bên từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Khi có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, trả thù, đối xử hoặc trừng trị tàn bạo hoặc vô nhân đạo tại Bên nhận;

2. Việc chuyển giao có thể phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác của một Bên.

ĐIỀU 6 THỦ TỤC CHUYỂN GIAO

1. Các Bên phải thông báo cho người bị kết án phạt tù về nội dung cơ bản của Hiệp định này. Nếu người bị kết án phạt tù có nguyện vọng được chuyển giao thì có thể trình bày nguyện vọng đó cho Bên chuyển giao hoặc Bên nhận, một trong các Bên phải thông báo việc này cho Bên kia bằng văn bản.

2. Yêu cầu chuyển giao có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận lập bằng văn bản và bao gồm các thông tin sau:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của người bị kết án phạt tù;
- b) Quốc tịch và tình trạng cư trú của người bị kết án phạt tù;
- c) Địa điểm và địa chỉ hiện tại của người bị kết án phạt tù.

3. Khi lập yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao phải cung cấp cho Bên nhận những thông tin sau đây:

a) Nội dung sự việc là căn cứ cho việc kết án và tuyên hình phạt và luật hiện hành quy định về tội phạm đó;

b) Ngày hình phạt chấm dứt, nếu có, thời gian người bị kết án đã chấp hành hình phạt và bất kỳ quyết định nào về việc giảm án mà người bị kết án được hưởng căn cứ vào thành tích lao động, hạnh kiểm tốt, thời gian giam giữ trước khi xét xử hoặc lý do khác;

c) Một bản sao bản án có chứng thực;

d) Các báo cáo về vấn đề cải tạo, y tế hay xã hội của người bị kết án phạt tù, thông tin về quá trình điều trị của người bị kết án phạt tù tại Bên chuyển giao và khuyến nghị về việc tiếp tục điều trị người đó tại Bên nhận, nếu có;

e) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, nếu có, ảnh chân dung và bản in dấu vân tay (tất cả các ngón) của người bị kết án;

f) Các thông tin bổ sung khác do Bên nhận yêu cầu.

4. Nếu Bên chuyển giao đề nghị, Bên nhận phải cung cấp cho Bên chuyển giao những thông tin sau đây trước khi chuyển giao:

a) Một tài liệu hay tuyên bố nêu rõ người bị kết án phạt tù đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu tại khoản 2 Điều 4 của Hiệp định này;

b) Bản tuyên bố về hành động hoặc không hành động bị áp dụng hình phạt cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận;

c) Bản mô tả cách thức mà Bên nhận sẽ thi hành hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án phạt tù;

d) Các thông tin bổ sung khác.

5. Nếu có yêu cầu, các Bên phải cung cấp cho nhau tối đa thông tin, tài liệu, văn bản có liên quan trước khi gửi yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

ĐIỀU 7

SỰ ĐỒNG Ý CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

1. Bên chuyển giao phải bảo đảm rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao một cách tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về những

hệ quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục thể hiện sự đồng ý sẽ do pháp luật của Bên chuyển giao quy định.

2. Nếu Bên nhận mong muốn, trước khi chuyển giao, Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án về việc chuyển giao quy định tại khoản 5 Điều 4 của Hiệp định này là tự nguyện với sự hiểu biết đầy đủ về hệ quả pháp lý của việc này thông qua quan chức do Bên nhận chỉ định.

ĐIỀU 8

VIỆC XEM XÉT LẠI BẢN ÁN VÀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ HOẶC GIẢM HÌNH PHẠT

1. Chỉ Bên chuyển giao có quyền xem xét lại bản án.
2. Một trong các Bên có thể quyết định việc đặc xá, đại xá hoặc giảm hình phạt theo quy định pháp luật của Bên đó và phải thông báo cho Bên kia về quyết định này ngay khi có thể.

ĐIỀU 9

HIỆU LỰC CỦA VIỆC CHUYỂN GIAO ĐỐI VỚI BÊN NHẬN

1. Các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của tòa án, quyết định hành chính, nếu có, theo quy định pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định ở Điều 10 của Hiệp định này.
2. Phù hợp với các quy định tại Điều 8 của Hiệp định này, việc thi hành hình phạt sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của Bên nhận và chỉ có Bên đó mới có thẩm quyền ban hành các quyết định thích hợp.

ĐIỀU 10

TIẾP TỤC THI HÀNH HÌNH PHẠT

1. Bên nhận phải thi hành hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao.
2. Ngoại trừ các quy định tại khoản 3 Điều này, việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao phải theo quy định của pháp luật và trình tự, thủ tục của Bên nhận.

3. Nếu tính chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của mình quy định đối với tội phạm tương tự. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các kết luận về sự kiện của vụ án được thể hiện trong các ý kiến, bản luận tội, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao tuyên. Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên về tính chất và thời hạn. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù sang hình phạt không tước tự do.

4. Nếu người bị kết án phạt tù là người chưa thành niên theo pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể xử lý với người đó như một người chưa thành niên bất kể địa vị pháp lý của người đó theo pháp luật của Bên chuyển giao.

5. Bên nhận thực hiện việc giảm án hoặc tha tù cho người bị kết án ngay sau khi nhận được thông báo về quyết định của Bên chuyển giao theo quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

6. Các Bên thông báo cho người bị kết án bằng văn bản về bất kỳ hành động hoặc quyết định của Bên chuyển giao hay của Bên nhận theo quy định tại khoản 2 đến khoản 5 của Điều này.

ĐIỀU 11

HIỆU LỰC CỦA VIỆC THI HÀNH XONG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI BÊN CHUYỂN GIAO

Khi Bên nhận thông báo cho Bên chuyển giao về việc hình phạt đã được thi hành xong theo khoản 2 Điều 12 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có hiệu lực thi hành xong hình phạt ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 12

THÔNG TIN VỀ VIỆC THI HÀNH HÌNH PHẠT

Bên nhận cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt cho Bên chuyển giao một trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị kết án phạt tù được tha tù trước thời hạn có điều kiện;
2. Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã hoàn thành;

3. Bên nhận chuyển đổi hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Hiệp định này;

4. Người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt;

5. Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo.

ĐIỀU 13 NGÔN NGỮ

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu kèm theo phải được gửi kèm bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của Bên nhận hoặc tiếng Anh.

ĐIỀU 14 CHI PHÍ

1. Bên nhận phải chi trả các chi phí sau đây:

a) Chuyển giao người bị kết án phạt tù, trừ chi phí phát sinh hoàn toàn trên lãnh thổ của Bên chuyển giao;

b) Tiếp tục thi hành bản án sau khi chuyển giao.

2. Tuy nhiên, Bên nhận có thể thu hồi toàn bộ hay một phần chi phí chuyển giao từ người bị kết án phạt tù hoặc các nguồn khác.

ĐIỀU 15 THAM VẤN

Cơ quan trung ương của các Bên có thể tham vấn với nhau để thúc đẩy hiệu quả áp dụng Hiệp định này và thống nhất về các biện pháp thực tiễn cần thiết để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 16 GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

1. Các Bên giải quyết mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này thông qua Cơ quan trung ương.

2. Nếu các Cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này, các Bên giải quyết bất đồng thông qua con đường ngoại giao.

ĐIỀU 17

NGHĨA VỤ THEO CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Hiệp định này không ảnh hưởng đến các quyền hoặc nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế khác mà Bên đó là thành viên.

ĐIỀU 18

BÀN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TỬ

1. Việc bàn giao người bị kết án phạt tử từ Bên chuyển giao đến Bên nhận được tiến hành tại địa điểm và thời gian do các Bên thỏa thuận. Bên nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển người bị kết án phạt tử từ Bên chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án tử đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tử phải được lập thành văn bản, thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ một bản.

ĐIỀU 19

SỬA ĐỔI

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung đối với Hiệp định này do các Bên thỏa thuận sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như được quy định tại khoản 1 Điều 20 của Hiệp định này.

ĐIỀU 20

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn. Mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia ngay khi có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực

vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Bên thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có giá trị pháp lý sau sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo đó.

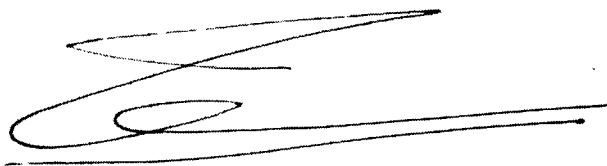
3. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các yêu cầu chuyển giao đã được lập trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

4. Hiệp định này sẽ áp dụng với việc thi hành các bản án đã được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Đề làm bằng, các đại diện dưới đây, được sự uỷ quyền đầy đủ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Căm-pu-chia, đã ký Hiệp định này.

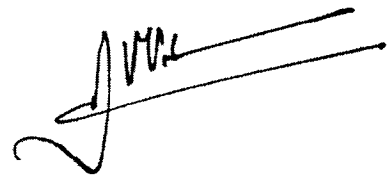
Làm tại Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2016, thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có bất kỳ bất đồng hoặc khác biệt trong giải thích Hiệp định thì sẽ căn cứ vào văn bản tiếng Anh.

**THAY MẶT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**



**Lê Minh Trí
Viện trưởng Viện kiểm sát
nhân dân tối cao**

**THAY MẶT
VƯƠNG QUỐC
CĂM-PU-CHIA**



**Ang Vong Vathana
Bộ trưởng Bộ Tư pháp**